

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ Q
TỈNH QUẢNG NINH**

--- * ---

Bản án số: 04/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 08/5/2020

“V/V Tranh chấp hôn nhân gia đình”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ Q- TỈNH QUẢNG NINH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

-Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Mạnh

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lưu Đình Lý

2. Ông Vũ Mạnh Thông

-Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lý- Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Q- Tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Viện- Chức vụ: Kiểm sát viên.

-Ngày 08/5/2020 tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân thị xã Q đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 21/2020/TLST-HNGĐ ngày 07/02/2020 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2020/QĐXX-HNGĐ ngày 16/3/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2020/QĐST-HNGĐ ngày 06/4/2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2020/QĐST-HNGĐ ngày 23/4/2020giữa:

-Nguyên đơn: Anh **Đồng Quang A sinh năm 1973**

Địa chỉ: Khu D, phường C, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh- Có mặt.

-Bị đơn: Chị **Phạm Thị B sinh năm 1976**

Nơi thường trú cuối cùng: Khu D, phường C, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh -Vắng mặt- (Tòa án tiến hành niêm yết theo quy định).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện và bản tự khai của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thủy trình bày:

Anh Đồng Quang A và chị Phạm Thị B tìm hiểu và tự nguyện kết hôn vào năm 1995, hai người có đăng ký kết hôn lại tại UBND xã C (nay là phường C), thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh vào ngày 13/6/1995. Quá trình chung sống sau khi kết hôn hai vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng năm 2013 năm thì bắt đầu xảy ra mâu

thuần, nguyên nhân là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm, mất lòng tin tưởng nhau trong cuộc sống vợ chồng dẫn đến thường xuyên xảy ra va chạm cãi cọ nhau và đến tháng 6 năm 2016 chị Thị tự ý bỏ đi mất tích không có tin tức gì mặc dù anh A đã tìm kiếm mọi nơi nhưng không ai biết chị B ở đâu. Do đó, vào đầu năm 2019 anh đã làm đơn tuyên bố một người mất tích đến Tòa án nhân dân thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh. Ngày 02/ 8/2019 Tòa án nhân dân thị xã Q đã ban hành Quyết định số 12/2019 tuyên bố chị Phạm Thị B mất tích.

Nay xét thấy tình cảm của anh A và chị B không còn, không có khả năng hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, anh A làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Phạm Thị B để ổn định cuộc sống.

- **Về con chung:** Anh A xác nhận trong quá trình chung sống hai người sinh được 02 con chung là: Đồng Sơn T, sinh ngày 22/9/1995 (đã trưởng thành), Đồng Xuân E, sinh ngày 25/12/1997 (đã trưởng thành).

Quan điểm của anh A vì các con chung đã trưởng thành nên anh không yêu cầu giải quyết.

- **Về tài sản chung:** Anh A không yêu cầu giải quyết.

- **Về án phí:** Anh A tự nguyện nhận nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định.

[1] **Về Tố Tụng:** Ngày 31/01/2020, người khởi kiện là anh Đồng Quang A nộp đơn tại Tòa án nhân dân thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh. Tòa án tiến hành thụ lý vụ án bảo đảm đúng quy định tại Điều 195 và 197 của Bộ luật tố tụng dân sự. Về thẩm quyền: Căn cứ vào đơn khởi kiện và yêu cầu của người khởi kiện ngày 06/01/2020, Tòa án xác định quan hệ pháp luật là “*Tranh chấp hôn nhân gia đình*” thuộc thẩm quyền của Tòa án quy định tại Điều 28 Điều 35 -Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] **Về tình cảm:** Anh Đồng Quang A và chị Phạm Thị B tự nguyện tìm hiểu và tự nguyện kết hôn, hai người có đăng ký kết hôn lại tại UBND xã C (nay là phường C), thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh vào ngày 13/6/1995. Quá trình chung sống sau khi kết hôn hai vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng năm 2013 năm thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm, mất lòng tin tưởng nhau trong cuộc sống vợ chồng dẫn đến thường xuyên xảy ra va chạm cãi cọ nhau và đến tháng 6 năm 2016 chị B tự ý bỏ đi mất tích không có tin tức gì mặc dù anh A đã tìm kiếm mọi nơi nhưng không ai biết chị B ở đâu. Do đó, vào đầu năm 2019 anh đã làm đơn tuyên bố một người mất tích đến Tòa án nhân dân thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh. Ngày 02/ 8/2019 Tòa án nhân dân thị xã Q đã ban hành Quyết định số 12/2019 tuyên bố chị Phạm Thị B mất tích. Do đó, anh A thấy

không còn tình cảm với chị B nữa nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị B là hoàn toàn có cơ sở.

Trong quá trình tòa án giải quyết việc yêu cầu xin ly hôn của anh Đồng Quang A, yêu cầu ly hôn chị Phạm Thị B vắng mặt vì lý do chị B đã bỏ đi mất tích và đã được Tòa án nhân dân thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh tuyên bố chị B mất tích. Qua quá trình làm việc với chính quyền địa phương ông Nguyễn Đức M khu trưởng Khu D, phường C, thị xã Q cung cấp như sau: Anh Đồng Quang A và chị Phạm Thị Thị Thìn kết hôn vào năm 1995. Quá trình chung sống sau khi kết hôn hai vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng năm 2013 năm thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm, mất lòng tin tưởng nhau trong cuộc sống vợ chồng dẫn đến thường xuyên xảy ra va chạm cãi cọ nhau và đến tháng 6 năm 2016 chị B tự ý bỏ đi mất tích không có tin tức gì mặc dù anh A đã tìm kiếm mọi nơi nhưng không ai biết chị B ở đâu, chính quyền địa phương cũng không biết chị B ở đâu, anh A đã tiến hành tìm kiếm nhiều lần nhưng không có kết quả. Tòa án đã tuyên bố chị B mất tích. Do đó, anh A có làm đơn xin ly hôn chị B là hoàn toàn có cơ sở. Chính quyền địa phương đề nghị Tòa án xem xét giải quyết cho anh A được ly hôn chị B theo quy định của pháp luật.

[3] **Về con chung:** Các đương sự có hai con chung đều đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không đề cập.

[4] **Về tài sản chung:** Đương sự không đề nghị giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] **Về án phí:** Án phí ly hôn anh Đồng Quang A phải nộp theo quy định của pháp luật.

-Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

- **Áp dụng:** Khoản 1, Điều 51, Khoản 2 Điều 56, Điều 81,82 và 83- Luật Hôn nhân gia đình.

-Căn cứ khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227- Bộ luật tố tụng dân sự.

-Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 24 Nghị quyết số 326/2016 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1.Về tình cảm: Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của anh Đồng Quang A.

Xử: Anh Đồng Quang A được ly hôn chị Phạm Thị B.

2.Về án phí : Anh Đồng Quang A phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí Hôn nhân gia đình. Nhưng được trừ đi số tiền tạm ứng án phí mà anh A đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*), theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001684 ngày 06/02/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Q. Anh A đã nộp đủ án phí.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Báo cho nguyên đơn biết quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án./.

Nơi nhận

- TAND tỉnh Quảng Ninh.
- VKS Tx Q.
- T.H.A DS
- Các đương sự.
- UBND phường C, Tx Q
- Lưu HS, VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Chí Mạnh

